

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-PT
Ngày 05 – 01 – 2024
V/v bồi thường thiệt hại trong hợp đồng
xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Đinh Cẩm Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Công Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Trung Biên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 12 năm 2023 và 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 297/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Phạm Thành T, sinh năm 1960 – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An.

Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Trần Chi L, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp 2, xã Hàng Vính, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Công ty Cổ phần K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2 đường Ngô Hồng Phong, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Phạm Thành T, sinh năm 1960 (có mặt).

- **Bị đơn:** Ủy ban nhân dân huyện Năm C.

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện N, tỉnh C

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tiết Văn T3, sinh năm 1976, chức vụ Giám đốc Ban quản lý dự án, đầu tư, xây dựng huyện Năm Căn (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ban quản lý dự án, đầu tư, xây dựng huyện Năm Căn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T3, chức vụ Giám đốc

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Do có kháng cáo của: Ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn chi trả số tiền trượt giá của hợp đồng xây dựng giai đoạn hai, giai đoạn ba bằng 2.740.000.000 đồng và lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 06/10/2015 đến ngày 15/8/2023 là 2.092.500.000 đồng, tổng cộng 4.832.000.000 đồng. Lý do yêu cầu: Căn cứ Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 giữa Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Năm Căn với liên danh Doanh nghiệp tư nhân Thành An và Công ty cổ phần Khai Long (nguyên là Công ty TNHH xây dựng Đông T1 về việc thi công xây dựng công trình. Gói thầu: Xây dựng mặt đường đoạn từ km6+800; thuộc dự án đầu tư xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Thời gian thực hiện hợp đồng 180 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng, giá trị hợp đồng là 9.800.000.197 đồng. Ngày 15/9/2009 bàn giao mặt bằng và nhà thầu bắt đầu thi công, tại thời điểm này chủ đầu tư chưa có mặt bằng sạch để giao cho toàn tuyến đường mà hai bên thỏa thuận khi thi công vướng mắc mặt bằng ở đoạn nào thì chủ đầu tư giao mặt bằng ở đoạn khác để nhà thầu thi công. Quá trình thi công, có một số đoạn đường bị cản trở vì những hộ dân trên tuyến đường của dự án không đồng ý giao mặt bằng, họ có đơn khiếu nại về giá bồi thường, nên chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất gia hạn thêm thời gian thi công nên chủ đầu tư đã ký ba phụ lục hợp đồng 46B, 46C và 46D để gia hạn thời gian thi công đến ngày 30/6/2014 kết thúc hợp đồng. Trong thời gian thi công do có chủ trương đối chính sách tiền lương dẫn tới giá nguyên vật liệu, giá nhân công và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng xây dựng thay đổi theo hướng tăng giá trị. Do đó Sở xây dựng ban hành Công văn số 333/SXD-KTXD ngày 25/6/2010 để hướng dẫn việc điều chỉnh giá trong các hợp đồng xây dựng. Do theo điều 5 của Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 có quy định việc điều chỉnh giá do thay đổi chính sách tiền lương nên sau khi kết thúc hợp đồng vào ngày 30/6/2014 thì chủ đầu tư đã chấp nhận chi điều chỉnh giá ở giai đoạn 1 cho nguyên đơn 90.204.000 đồng mà không xem xét để trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giá ở giai đoạn hai và giai đoạn ba cho nguyên đơn vì cho rằng năng lực nhà thầu yếu nên xây dựng công trình chậm kéo dài thời gian theo hợp đồng, trong khi đó nguyên nhân kéo dài thời

gian thi công là do vướng mặt bằng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt do không xin chủ trương để điều chỉnh giá trị của hợp đồng do trượt giá nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản thiệt hại bao gồm: Chi phí vật liệu 1.366.693.100 đồng; chi phí nhân công 390.824.741 đồng; chi phí ca máy thi công 391.248.402 đồng; chi phí trực tiếp khác 55.155.384 đồng; chi phí chung 123.160.149 đồng; thu nhập trước thuế 139.603.893 đồng; thuế giá trị gia tăng 246.633.544 đồng; chi phí nhà tạm 27.129.690 đồng, tổng số tiền 2.740.000.000 đồng và tính lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 06/10/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/8/2023 là 2.092.500.000 đồng, tổng cộng 4.832.000.000 đồng.

- Bị đơn Ủy ban nhân dân huyện Năm C do người đại diện theo uỷ quyền là ông Tiết Văn T3 trình bày:

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì lý do Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009, thời gian thi công là 180 ngày kể từ ngày nhận mặt bằng, nhà thầu đã nhận mặt bằng thi công từ ngày 15/9/2009 nhưng khi đến thời gian kết thúc Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD là ngày 19/4/2010 thì nhà thầu chỉ hoàn thành 16% khối lượng công trình, nguyên nhân do năng lực nhà thầu yếu nên tiến độ thi công bị chậm trễ. Do dự án này là nguồn vốn trái phiếu Chính phủ nên công trình phải sớm hoàn thành tiến độ để giải ngân kịp thời nguồn vốn, do đó chủ đầu tư thống nhất không phạt và cắt hợp đồng nhà thầu, mà tiếp tục thoả thuận ký phụ lục Hợp đồng 46B/PLHĐ-XD ngày 22/7/2010 gia hạn thời gian thi công đến 30/11/2010. Tuy nhiên sau khi kết thúc thời gian thi công theo phụ lục hợp đồng 46B thì nhà thầu vẫn không hoàn thành công trình nên chủ đầu tư phải tiếp tục ký thêm phụ lục hợp đồng số 46C/PLHĐ-XD để gia hạn thời gian thi công đến ngày 28/02/2012, khi kết thúc phụ lục hợp đồng 46C nhà thầu vẫn không hoàn thành công trình nên phải tiếp tục ký gia hạn thêm phụ lục hợp đồng 46D/PLHĐ-XD gia hạn đến ngày 30/6/2014 kết thúc hợp đồng và nghiệm thu. Khi nghiệm thu công trình và thanh toán tiền cho nhà thầu, chủ đầu tư đã chi trả tiền trượt giá giai đoạn 01 cho nhà thầu với số tiền là 90.204.000 đồng theo Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009, giai đoạn 2 và giai đoạn 3 là đã hết thời hạn theo hợp đồng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 nhưng do nhà thầu thi công chậm trễ do năng lực nhà thầu yếu, công trình chậm trễ kéo dài dẫn đến chủ đầu tư phải ký các phụ lục bổ sung hợp đồng 46B, 46C, 46D để gia hạn thời gian thi công đến ngày 30/6/2014 công trình mới được nghiệm thu. Do đó chủ đầu tư không trình cấp có thẩm quyền để xin điều chỉnh giá cho nhà thầu vì đã hết thời gian theo Hợp đồng số 46/HĐ-XD. Hiện công trình đã được quyết toán xong vào ngày 21/02/2019. Do đó Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn không thống nhất toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T2 trình bày:

Trước đây ông là Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Năm C nhưng đã được điều động công tác đến cơ quan khác không còn giữ chức vụ tại Ban Quản lý dự án và đã bàn giao cho người kế nhiệm nên xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm C, tỉnh Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An và Công ty Cổ phần K về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Năm C thanh toán số tiền điều chỉnh giá trị hợp đồng xây dựng tổng cộng 4.832.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 2.740.000.000 đồng và lãi suất là 2.092.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/8/2023, nguyên đơn là ông Phạm Thành T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng, căn cứ theo điều 5 của Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 có quy định về việc điều chỉnh giá nhưng do bị đơn không xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh trượt giá nguyên liệu cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do bị đơn không trình để xin chủ trương để Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nguồn vốn theo dự án để bị đơn chi trả tiền trượt giá cho nguyên đơn.

Bị đơn tranh luận cho rằng Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 là hợp đồng trọn gói nhưng trong điều khoản của hợp đồng có nội dung điều chỉnh giá nhưng với điều kiện phải được cơ quan có thẩm quyền đồng ý. Đã qua, do năng lực nhà thầu yếu dẫn đến thời gian thi công kéo dài, tiến độ thi công chậm trễ nên chủ đầu tư đã 3 lần ký phụ lục hợp đồng bổ sung để gia hạn thời gian thi công đến ngày 30/6/2014 thì hợp đồng mới được nghiệm thu và sau khi nghiệm thu xong nhà thầu cũng còn phải thực hiện một số khối lượng đến tháng 4/2016 thì công trình mới hoàn thành. Do năng lực nhà thầu yếu, công trình thi công chậm trễ là lỗi của nhà thầu nên không thuộc trường hợp được điều chỉnh giá nên chủ đầu tư không đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xin điều chỉnh giá. Đã qua, trong thời gian thi công, nhà thầu đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Ủy ban nhân dân huyện Năm C không xin chủ trương để Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý cho chủ đầu tư chi trượt giá cho nhà thầu nhưng không được chấp nhận.

Hiện nay, nhà thầu yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do không chấp nhận việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh để xin chủ trương điều chỉnh giá cho nguyên đơn là không phù hợp nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 1.158.682.072 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 được ký giữa bên giao thầu là Ban Quản lý dự án xây dựng huyện Năm Căn với bên nhận thầu là Liên danh Doanh nghiệp tư nhân Thành An – Công ty TNHH Xây dựng Đông Triều, hiện nay là Công ty Cổ phần Khai Long về việc thi công Gói thầu số 08, xây dựng mặt đường đoạn từ km6+000 đến km11+800 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Thời gian thi công là 180 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng là ngày 15/9/2009. Giá trị hợp đồng là 9.800.000.197 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Ban quản lý dự án đã ký 3 phụ lục hợp đồng số 46B, 46C và 46D để gia hạn thời gian thi công theo hợp đồng 46/HĐ-XD đến ngày 30/6/2014. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận công trình đã được hai bên ký nghiệm thu và thanh lý hợp đồng vào ngày 30/6/2014. Khi thanh lý hợp đồng bị đơn đã thống nhất điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công cho nguyên đơn giai đoạn 1 theo công văn số 333/SXD-KTXD ngày 25/6/2010 của Sở xây dựng tỉnh Cà Mau về việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu cho nguyên đơn với số tiền là 90.204.000 đồng (Bút lục số 1666). Hiện công trình đã được quyết toán xong vào ngày 21/02/2019.

[2] Nguyên đơn cho rằng, sau khi thanh lý hợp đồng 46/HĐ-XD vào ngày 30/6/2014, thì nguyên đơn tiếp tục khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn bồi thường thiệt hại do Ban quản lý dự án không điều chỉnh giá cho nguyên đơn theo điều 5 của hợp đồng 46/HĐ-XD.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 5 Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 có quy định “*Giá hợp đồng trên có thể được điều chỉnh khi được cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận bằng văn bản...*” và tại Điều 8 của hợp đồng cũng quy định: “*Trường hợp giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị nêu trong hợp đồng có biến động lớn, ảnh hưởng trực tiếp tới việc thực hiện hợp đồng hoặc khi Nhà nước có thay đổi chính sách liên quan thì phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định*”. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do dự án này là nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ nên việc xin điều chỉnh giá theo hợp đồng phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Nhưng trong thời gian thực hiện hợp đồng 46/HĐ-XD bị đơn không đồng ý trình Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để điều chỉnh giá cho nguyên đơn giai đoạn 2 và giai đoạn 3 vì cho rằng do năng lực nhà thầu yếu, lỗi nhà thầu nên không thuộc trường hợp được điều chỉnh giá, do đó nguyên đơn không đồng ý và có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau chuyển cho Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn giải quyết theo thẩm quyền nên Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn có văn bản trả lời khiếu nại, không đồng ý trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá theo Hợp đồng 46/HĐ-XD cho nguyên đơn. Sau khi kết thúc hợp đồng vào ngày 30/6/2014, nguyên đơn và bị đơn đã thống ký hồ sơ để nghiệm thu công trình và thanh toán hợp đồng 46/HĐ-XD xong. Vì vậy, hiện nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại theo hợp đồng số 46/HĐ-XD do bị đơn không trình xin điều chỉnh giá cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trình Ủy ban nhân dân tỉnh để điều chỉnh giá cho nguyên đơn giai đoạn 2 và giai đoạn 3 vì cho rằng năng lực nhà thầu yếu nên thi công chậm, không đảm bảo tiến độ do lỗi của nhà thầu là không đúng mà nguyên đơn cho rằng việc chậm tiến độ thi công là do bị đơn chậm giao mặt bằng cho nguyên đơn, do trong thời gian thi công có một số đoạn đường bị dân ngăn cản và có khiếu nại việc bồi thường giải phóng mặt bằng nên phải chờ thời gian giải quyết đối với các hộ dân ngăn cản.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD ngày 14/9/2009 thì thời gian thi công là 180 ngày nhưng tại Phụ lục 02 bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng vào ngày 19/4/2010 thể hiện nhà thầu mới chỉ thi công đạt 16% khối lượng công trình và được Ban quản lý dự án thanh toán cho nhà thầu số tiền 1.515.076.000 đồng trên tổng giá trị công trình là 9.800.000.000 đồng (Bút lục số 1821). Trong khi đó theo hợp đồng thì thời điểm này nhà thầu phải hoàn thành khối lượng hợp đồng. Điều này thể hiện, khi kết thúc hợp đồng 46/HĐ-XD thì nguyên đơn thực hiện không đảm bảo tiến độ, không đảm bảo khối lượng theo hợp đồng. Trong khi đó, theo nhật ký công trình thể hiện từ ngày 15/9/2009 nguyên đơn bắt đầu thi công đến ngày 01/10/2009 tại km 6+800 đến km7+904 chưa thể thi công chờ giải phóng mặt bằng thì đến ngày 03/10/2009 bị đơn đã giao mặt bằng ở đoạn đường khác cho nguyên đơn nên nguyên đơn tiếp tục vận chuyển phương tiện đến km7+950 để tiếp tục thi công (Bút lục số 1243). Tiếp tục nguyên đơn thi công đến ngày 18/12/2009 thì vướng mặt bằng, đến ngày 19/12/2009 thì tiếp tục thi công đến km11+490 (Bút lục số 1238), như vậy từ ngày 15/9/2009 đến ngày 19/4/2010 là hết hạn theo Hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD thì công trình thi công chỉ bị vướng ở 2 đoạn do người dân ngăn cản nên bị đơn đã giao đoạn đường khác để nguyên đơn tiếp tục thi công và thời gian nghỉ, không thi công để vận chuyển phương tiện đến nơi khác ở hai lần vướng mặt bằng là 05 ngày. Do có vướng mặt bằng và việc thi công chậm tiến độ nên sau khi kết thúc thời gian thi công 180 ngày theo Hợp đồng 46/HĐ-XD thì Ban quản lý dự án đã đồng ý gia hạn thời gian thi công cho nguyên đơn theo các phụ lục hợp đồng 46B, 46C, 46D gia hạn đến ngày 30/6/2014 kết thúc hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng 46B thể hiện thời gian gia hạn thi công đến ngày 30/11/2010 nhưng theo bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng (thanh toán đợt 02) ngày 09/9/2010, Ban quản lý dự án chỉ thanh toán cho nhà thầu số tiền 1.212.061.000 đồng trên tổng giá trị phải thanh toán là 9.800.000.000 đồng, tương đương 12% khối lượng công việc. Đến 30/12/2010 là đã hết hạn 01 tháng của Phụ lục hợp đồng số 46B nhưng Ban quản lý dự án chỉ thanh toán thêm 2.179.230.000 đồng, nên tính tổng giá trị thanh toán của hai lần thanh toán khối lượng của giai đoạn 2 là 3.391.291.000 đồng. Do đã hết thời gian gia hạn của phụ lục hợp đồng số 46B mà nhà thầu mới đạt khối lượng tương đương 49% khối lượng hợp đồng (Bút lục số 1818-1820). Theo phụ lục hợp đồng số 46C gia hạn thời gian thi công đến ngày 28/02/2012 nhưng đến ngày 18/6/2012 thì hai bên chốt khối lượng để thanh toán thì bên nhà thầu chỉ thực hiện được 970.000.000 đồng. Theo phụ lục hợp đồng số 46D tiếp tục gia hạn thời gian thi công đến ngày 30/6/2014 thì công trình mới được ký biên bản nghiệm thu nhưng thực tế đến ngày

14/12/2014 nhà thầu vẫn cam kết đến ngày 27/12/2014 mới hoàn thành toàn bộ khối lượng theo hợp đồng 46/HĐ-XD (Bút lục số 1515). Trong thời gian thi công, nguyên đơn đã nhiều lần bị lập biên bản buộc cam kết đẩy nhanh tiến độ thi công nhưng nguyên đơn vẫn không thực hiện nên đã bị Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 04/12/2014 (Bút lục số 1660) do chậm tiến độ, đến tháng 5/2015 công trình mới được hoàn thành toàn bộ khối lượng. Như vậy bị đơn cho rằng nguyên đơn có lỗi, do năng lực nhà thầu yếu nên nguyên đơn không đủ điều kiện để bị đơn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin điều chỉnh giá cho nguyên đơn theo hợp đồng 46/HĐ-XD. Theo công văn số 658/SXD-KTXD ngày 08/8/2013 kèm theo phụ lục đính kèm có quy định “*Không được phép điều chỉnh giá đối với phần khối lượng thực hiện trễ tiến độ do lỗi của nhà thầu thi công hoặc không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký*”. Do đó, bị đơn cho rằng không trình Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau điều chỉnh giá cho nguyên đơn là do lỗi của nguyên đơn do thực hiện khối lượng trễ tiến độ là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng đã qua Ủy ban nhân dân tỉnh có đồng ý phê duyệt điều chỉnh giá dự án đầu tư xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn với tổng mức đầu tư là 51.010.498.313 đồng tăng lên 60.714.617.963 đồng nhưng bị đơn không điều chỉnh trượt giá đối với gói thầu số 08 theo Hợp đồng số 46/HĐ-XD cho nguyên đơn là lỗi của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Quyết định 1242/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn với tổng mức đầu tư là 51.010.498.313 đồng. Đến ngày 18/02/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 258/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư tăng lên 60.714.617.963 đồng. Lý do điều chỉnh tăng mức đầu tư là do phát sinh hạng mục di dời trụ điện trung hạ thế, chi phí giải phóng mặt bằng thuộc các dự án đầu tư xây dựng đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn chứ không phải điều chỉnh do thay đổi chính sách tiền lương. Do đó nguyên đơn cho rằng bị đơn không điều chỉnh Hợp đồng số 46/HĐ-XD cho nguyên đơn theo gói thầu số 08 là không có cơ sở.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu giám định tư pháp về thiệt hại, nguyên đơn cho rằng do bị đơn chậm bàn giao mặt bằng cho nguyên đơn. Theo báo cáo giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình số 07/BC-TTQH&KD ngày 19/8/2022 của Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau thể hiện tổng dự toán chi phí xây dựng được điều chỉnh sau giảm giá là 1.111.711.779 đồng (Bút lục số 3030), không thống nhất với kết quả này nên ngày 13/12/2022, nguyên đơn đã yêu cầu kiểm tra lại kết quả giám định. Đến ngày 31/3/2023, Trung tâm quy hoạch và kiểm định xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau phát hành báo cáo giám định tư pháp về chi phí xây dựng công trình số 03/BC-TTQH&KD thể hiện các khoản chi phí được điều chỉnh là 1.158.682.072 đồng. Kết quả định giá cho rằng lỗi dẫn đến thiệt hại là do Ban quản lý dự án chậm giao mặt bằng.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng 46/HĐ-XD không quy định việc chậm giao mặt bằng thì bị đơn phải bồi thường thiệt hại. Trong khi đó, việc giao mặt bằng đã được nguyên đơn và bị đơn thống nhất trong quá trình thi công nếu vướng mặt bằng ở đoạn nào thì bị đơn sẽ giao cho nguyên đơn mặt bằng ở đoạn khác để tiếp tục thi công, tại thời điểm đấu thầu và ký hợp đồng xây dựng số 46/HĐ-XD nguyên đơn cũng đã xác định được khi trúng thầu thi công là phải “nhảy cóc” hoặc có giải pháp phù hợp để thi công, cụ thể qua nhật ký công trình được thể hiện trong quá trình thi công có một số đoạn bị vướng mặt bằng do người dân ngăn cản nên bị đơn đã giao mặt bằng ở đoạn khác cho nguyên đơn tiếp tục thi công được hai bên thống nhất ký tên xác nhận vào nhật ký công trình. Như vậy việc vướng mặt bằng trong thời gian thi công đã được nguyên đơn và bị đơn khắc phục đồng thời Ban quản lý dự án đã thống nhất ký ba phụ lục hợp đồng 46B, 46C, 46D để gia hạn thời gian thi công theo hợp đồng số 46/HĐ-XD đến ngày 30/6/2014. Do đó không thể xác định lỗi chậm giao mặt bằng là của bị đơn theo công văn số 36/TTQHKĐ-KTXD ngày 13/12/2023 để buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về việc buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 1.158.682.072 đồng.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa chưa phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An và Công ty Cổ phần Khai Long (nguyên là Công ty TNHH xây dựng Đông T1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Năm C thanh toán số tiền điều chỉnh giá trị hợp đồng xây dựng tổng cộng 4.832.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng).

Chi phí tố tụng: Chi phí giám định tư pháp nguyên đơn phải chịu là 118.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau không phải chịu. Ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An và Công ty Cổ phần Khai Long phải chịu án phí số tiền 112.832.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí số tiền 21.700.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015266 ngày 24/01/2017 và số tiền đã nộp tạm ứng án phí (bổ sung) là 10.495.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006786 ngày 12/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, nguyên đơn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 80.637.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thành T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Thành An phải chịu. Ngày 30/8/2023, ông T có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016251 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi Cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan